

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/DS-PT
Ngày 14 tháng 11 năm 2018
V/v: “Tranh chấp bồi thường thiệt
hại ngoài hợp đồng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Duy Giá.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Quang Hùng và ông Nguyễn Vĩnh Thành

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Ông Nguyễn Xuân Sơn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2018/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2018, về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2018/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 85/2018/QĐ-PT ngày 29 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1971; nơi đăng ký HKTT và cư trú: thôn M, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị đơn: Ông Triệu Văn I, sinh năm 1976; nơi cư trú: thôn N, xã Q, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1980 (vợ ông I); nơi cư trú: thôn N, xã Q, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Ngọc H.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 01 năm 2018 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Ông Nguyễn Ngọc H trình bày: Năm 2014 ông có bán cho Ông Triệu Văn I một thửa đất thuộc thôn O, xã

Q, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, thửa đất là của bố mẹ ông để lại cho ông, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Nguyễn Ngọc H, thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông đã ly hôn vợ, thửa đất là tài sản này là của riêng ông. Từ khi bán đất cho ông I ông chỉ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông I để ông I đi làm thủ tục còn việc ông I làm thủ tục sang tên như thế nào thì ông không biết, ông đã nhận đủ tiền bán đất từ ông I. Khi bán thửa đất này cho ông I thì hai bên thỏa thuận là ông chỉ bán đất chứ không bán tài sản trên đất, tài sản trên đất của ông gồm có 03 gian nhà cấp 4 và toàn bộ cây cối trên đất. Trong đó có 07 cây vải ông trồng từ năm 1997, đến khoảng tháng 5 năm 2017 ông I tự ý chặt 07 cây vải của ông trên thửa đất mà ông đã bán cho ông I. Khi chặt vải ông I không có ý kiến gì với ông. Nay ông khởi kiện yêu cầu Ông Triệu Văn I phải bồi thường cho ông số tiền là khoảng 60.000.000đ trị giá 07 cây vải mà ông I đã chặt phá. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn Ông Triệu Văn I trình bày: Năm 2014 ông có mua 01 thửa đất của Ông Nguyễn Ngọc H tại thôn O, xã Q, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Khi mua hai bên thỏa thuận mua toàn bộ đất và tài sản trên đất của Ông Nguyễn Ngọc H, sau đó ông đã mời văn phòng công chứng L đến nhà ông ở thôn N, xã Q và có mặt ông H để làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Đến ngày 05 tháng 5 năm 2017 ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đứng tên ông là Triệu Văn I, thửa đất này theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông được cấp có số thửa là 274, tờ bản đồ số 35, diện tích là 1.190m² thuộc thôn O, xã Q, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 20 tháng 5 năm 2017, sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nhận chuyển nhượng của ông H, ông đã chặt 07 cây vải, theo ông việc chặt 07 cây vải là đúng, vì 07 cây vải là tài sản trên đất của ông, ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với thửa đất nhận chuyển nhượng của ông H. Nay ông H khởi kiện yêu cầu ông phải bồi thường trị giá tiền 07 gốc vải đã chặt khoảng 60.000.000đ ông không đồng ý vì 07 cây vải là tài sản trên đất của ông, ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Bà Nguyễn Thị K trình bày: Bà là vợ của Ông Triệu Văn I, năm 2014 vợ chồng bà có nhận chuyển nhượng đất của Ông Nguyễn Ngọc H, khi nhận chuyển nhượng và làm thủ tục bà đã ủy quyền cho chồng là Triệu Văn I đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà nhất

trí với các quan điểm của chồng bà đã trình bày. Nay ông H khởi kiện yêu cầu chồng bà phải bồi thường trị giá tiền 07 cây vải đã chặt bà không đồng ý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2018/DS-ST ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Áp dụng các Điều 107, 161, 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Ngọc H yêu cầu buộc Ông Triệu Văn I phải bồi thường trị giá cho ông 07 cây vải (trị giá theo biên bản định giá ngày 24/7/2018 là 11.900.000đ).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/9/2018 Ông Nguyễn Ngọc H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng buộc ông I phải bồi thường số cây là 7 cây vải.

Ngày 12/9/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã có Quyết định kháng nghị số: 400/QĐKNPT-VKS-DS với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Ngọc H và án phí sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông H, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T để sửa bản án sơ thẩm như nội dung bản kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của Ông Nguyễn Ngọc H và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T được làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

Xét đơn kháng cáo của Ông Nguyễn Ngọc H thấy rằng: Ngày 04 tháng 8 năm 2014 Ông Nguyễn Ngọc H và Ông Triệu Văn I đã ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng L, tỉnh Vĩnh Phúc. Tại Điều 1 khoản 1 của Hợp đồng đã ghi: 1. Hiện bên A có quyền sử dụng 01 (một) thửa đất tại địa chỉ thôn O, xã Q, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: X 458176;...

Tại khoản 2 của hợp đồng thể hiện: Bằng hợp đồng này, bên A đồng ý chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất thực tế nêu trên của mình cho bên B theo biên bản kiểm tra hiện trạng, theo đó tại thời điểm giao kết hợp đồng ông H và ông I xác định chỉ chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tài sản trên đất ghi là: “Không”, được hiểu là: “không có tài sản” hoặc “có tài sản nhưng không bán” hoặc “có tài sản nhưng không còn giá trị”. Trên thực tế các đương sự thừa nhận có 07 cây vải do ông H trồng mà giá trị các bên xác nhận là có, Hội đồng định giá tài sản huyện T định giá được 11.900.000đồng. Như vậy hiểu đúng ở đây là: Có tài sản (07 cây vải), tài sản có giá trị và không bán.. Kể từ khi ông H chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông I, các bên giao kết hợp đồng không đề cập về việc thu dọn tài sản trên đất nên 07 cây vải vẫn thuộc sở hữu của ông H, ông I tự ý chặt bẫy cây vải của ông H, ông H có quyền đòi tài sản theo quy định của các Điều 161, 166, 584,585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy việc ông H khởi kiện đòi bồi thường những tài sản có trên đất bị ông I chặt phá là có cơ sở để chấp nhận, cần chấp nhận đơn khởi kiện, đơn kháng cáo của ông H. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H vẫn yêu cầu bồi thường 60 triệu đồng là cao, ông I đồng ý giá của Hội đồng định giá tài sản, 07 cây vải Hội đồng định giá tài sản huyện T định giá ngày 24/7/2018 là 11.900.000đồng (BL 64, 65), cần buộc ông I bồi thường cho ông H 11.900.000đồng.

Xét quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, Hội đồng xét xử thấy: Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 107 Bộ luật dân sự quy định Bất động sản bao gồm: Đất đai, nhà ... tài sản khác gắn liền với đất đai để làm căn cứ xác định ông I có quyền sở hữu hợp pháp đối với 7 cây vải trên đất là không chính xác. Theo quy định này thì rõ ràng ông H và ông I chỉ chuyển nhượng bất động sản là đất đai, còn các tài sản khác không được nói đến trong hợp đồng. Do vậy cấp sơ thẩm không thể căn cứ vào Điều luật này để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy nội dung kháng nghị này được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết ông H yêu cầu ông I phải bồi thường 60.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc ông H phải chịu án phí trên số tiền 11.900.000 đồng là vi phạm khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội ở đây ông H phải chịu án phí sơ thẩm phần yêu cầu không được Tòa chấp nhận đó là 5% của 60.000.000đồng – 11.900.000đồng = 2.405.000đồng; ông I phải chịu án phí 5% giá ngạch đối với số tiền phải bồi thường cho ông H. Kháng

nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát có căn cứ để chấp nhận, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Ngọc H và Sở hộ khẩu ông H xuất trình, tại các Biên bản xác minh đều thể hiện Ông Nguyễn Ngọc H giai đoạn xử sơ thẩm có hộ khẩu thường trú tại thôn O, xã Q, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, không có hộ khẩu nào khác. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định ông H cư trú tại thôn N, xã Q, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc là không đúng, cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm. Nay ông H đã chuyển hộ khẩu và cư trú tại: thôn M, xã Đ, huyện T, Vĩnh Phúc.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Chấp nhận đơn kháng cáo của Ông Nguyễn Ngọc H. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2018/DS-ST ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

[2] Áp dụng khoản 1 Điều 161, 166, 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Ngọc H: Buộc Ông Triệu Văn I phải bồi thường cho Ông Nguyễn Ngọc H giá trị 07 cây vải là 11.900.000đ (Mười một triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền trên thì hàng tháng phải chịu tiền lãi với khoản tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc H phải chịu 2.405.000đ (Hai triệu bốn trăm linh năm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm

1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0003006 ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T và 600.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản đã nộp. Ông H còn phải nộp 305.000đ (Ba trăm linh năm nghìn đồng). Ông Triệu Văn I phải chịu 595.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 600.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, tổng cộng là 1.195.000đ (Một triệu một trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Ngọc H không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả ông H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số: 0000848 ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Tòa án nhân dân huyện T;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Toà DS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Duy Giá